

Lá Số Tử Vi Và Bình Giải Chi Tiết

<p>Hỏa PHÚC-ĐỨC (Thân) (-) 25 Tý</p> <p>TƯƠNG <+Thủy-đđ></p> <p>Đại-Hạo Tử-Phù Thiên-Hình Nguyệt-Đức Thiên-Thọ Phá-Toái Kiếp-Sát TUẦN</p> <p>Tuyết</p>	<p>Hỏa ĐIỀN-TRẠCH / (+) 35 Ngọ</p> <p>LƯƠNG <-Mộc-md></p> <p>Thiên-Khôi Thiên-Phúc Phục-Bình</p> <p>Địa-Kiếp</p> <p>Thiên-Hư Thiên-Khốc Tuế-Phá TRIỆT</p> <p>Thai</p>	<p>Thổ(-) QUAN-LỘC / 45 Mùi</p> <p>LIÊM <-Hỏa-đđ> SÁT <+Kim-đđ></p> <p>Quan-Phú</p> <p>Đà-La</p> <p>Long-Đức</p> <p>TRIỆT</p> <p>Dưỡng</p>	<p>Kim (+) NÔ-BỘC / 55 Thân</p> <p>Lộc-Tồn Bác-Sĩ Thiên-Thương Bạch-Hổ Lưu-Hà</p> <p>Trường-Sinh</p>
<p>Thổ(+) PHỤ-MẪU / 15 Thìn</p> <p>CỰ <-Thủy-hđ></p> <p>Quốc-Án Bệnh-Phù</p> <p>Địa-Không</p> <p>Long-Trì Quan-Phú Thiên-Giải Hoa-Cái Thiên-La TUẦN</p> <p>Mộ</p>	<p>Thân Thân</p> <p>Mùi Mùi</p> <p>Đậu Đậu</p> <p>Tuất Tuất</p> <p>Tên: Nguyễn Hồng Phúc Năm Sinh: CANH TÍ Dương-Nam Tháng: 9 Ngày: 14 Giờ MÙI Bản-Mệnh Bích-thượng-Thổ Cục: Thổ-ngũ-cục THÂN cư PHUC-DUC (Thân) / 25: tại cung TÝ Sao Chủ Mệnh: Tham Lang Sao Chủ Thân: Linh Tinh Mệnh: Bích Thượng Thổ (đắp đắp tường) Cảm Tinh: Xương con chuột, xuất tướng tinh con dê. Cân lượng: 5 lượng 0 chỉ Trực Thành Con nhà HUỖNH ĐẾ (quan lộc, cô quạnh) Ông Quan Đế độ mạng Xem thêm Tử Bình 2019 XemTuong.net</p>		<p>Kim (-) THIÊN-DI / 65 Dậu</p> <p>Lực-Sĩ</p> <p>Kinh-Dương Hỏa-Tinh</p> <p>Phong-Cáo Thiên-Hỉ Phúc-Đức Thiên-Riêu Thiên-Y Thiên-Đức Đào-Hoa</p> <p>Mộc-Dục</p>
<p>Mộc(-) MỆNH / 5 Mão</p> <p>TỬ-VI <+Thổ-bh> THAM <-Thủy-hđ></p> <p>Văn-Xương Hi-Thần</p> <p>Linh-Tinh</p> <p>Ấn-Quang Hồng-Loan Thiếu-Âm Địa-Giải Thiên-Tài</p> <p>Tử</p>	<p>Thìn Thìn</p> <p>Mão Mão</p> <p>Dần Dần</p> <p>Sửu Sửu</p>	<p>Thủy(+)</p> <p>TỬ-TỨC / 95 Tý</p> <p>NHẬT <+Hỏa-hđ></p> <p>Tả-Phú Hóa-Lộc Tướng-Quân Thái-Tuế</p> <p>Đế-Vượng</p>	<p>Thủy(-) TÀI-BẠCH / 85 Hợi</p> <p>VŨ <-Kim-hđ> PHÁ <-Thủy-hđ></p> <p>Văn-Khúc Hóa-Quyển Thiên-Quan Tiểu-Hao Thiên-Quý Đầu-Quân Trực-Phú LN Văn-Tinh:</p> <p>Lâm-Quan</p>
<p>Mộc(+) HUỖNH-ĐẾ / 115 Dần</p> <p>CƠ <-Thổ-hđ> NGUYỆT <-Thủy-hđ></p> <p>Thiên-Việt Hữu-Bật Hóa-Ky Phi-Liêm Tang-Môn Thiên-Mã Cổ-Thần Thiên-Trù</p> <p>Bệnh</p>	<p>Thổ(-) PHU-THẾ / 105 Sửu</p> <p>PHŨ <-Thổ-bh></p> <p>Đường-Phù Tấu-Thơ Thai-Phụ Tam-Thai Bát-Tọa Thiên-Không Thiếu-Dương</p> <p>Suy</p>	<p>Thủy(+)</p> <p>TỬ-TỨC / 95 Tý</p> <p>NHẬT <+Hỏa-hđ></p> <p>Tả-Phú Hóa-Lộc Tướng-Quân Thái-Tuế</p> <p>Đế-Vượng</p>	<p>Thủy(-) TÀI-BẠCH / 85 Hợi</p> <p>VŨ <-Kim-hđ> PHÁ <-Thủy-hđ></p> <p>Văn-Khúc Hóa-Quyển Thiên-Quan Tiểu-Hao Thiên-Quý Đầu-Quân Trực-Phú LN Văn-Tinh:</p> <p>Lâm-Quan</p>

md = miếu địa vd = vượng địa đđ = đắc địa bh = bình hoà hđ = hãm địa
XemTuong

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Nguyễn Hồng Phúc
Ngày Sinh Tây	Thứ Sáu Ngày 30 Tháng 10 Năm 2020
Ngày Sinh Âm	14/9/2020 - Ngày Bình Ngọ Tháng Bình Tuất Năm Canh Tý
Ngày Sinh Xấu	Ngày 14 Tháng 9 Năm 2020 phạm ngày xấu Nguyệt Kỵ .
Giờ Sinh	Át Mùi (14:01)
Giới Tính	Dương Nam
Tuổi	0 tuổi Canh Tý
Tiết khí	Sinh vào mùa Sương giáng (Sương mù xuất hiện) - Kinh độ mặt trời 210°
Trực	Trực Thành
Cân Lượng	5 lượng 0 chỉ
Mệnh	Bích Thượng Thổ (đắp đắp tường)

Cảm Tinh	Xương con chuột, HỒNG TINH CÁNH NẾN.
Sao Chủ Mệnh	Tham Lang
Sao Chủ Thân	Linh Tinh
Con Nhà	Con nhà HUỶNH ĐẾ (quan lộc, cô quạnh)
Độ Mạng	Ông Quan Đế độ mạng
Màu Sắc	hạp màu: đỏ, vàng - kỵ: đen, xanh

Thân chào Quý Cháu Trai Nguyễn Hồng Phúc.

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số trọn đời này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong một số đoạn bình giải, có những đoạn được trích nguyên văn trong sách Tử Vi xưa nên văn phong có phần hơi thần thần, nếu có phiền lòng thì xin Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thông cảm bỏ qua vì đó là những lời bình được lập trình để bình giải lá số.

Tổng Quát Bình Giải

Quý Cháu Trai tuổi Canh Tý là người cương trực, phân minh, tự tin ở bản thân, khó có người hợp tác chân thành. Bản chất năng động, hăng say nhưng không bền chí. Làm việc gì cũng muốn thấy liền kết quả, khó theo đuổi công việc có tính lâu dài. Với nhiệt tâm, nhiệt tình cộng với sự can đảm, Quý Cháu Trai có thể làm những việc mà người khác không dám làm, để trở thành người có tiếng, có danh trong xã hội.

Với tuổi mạng tương khắc, cuộc Sống lắm phen lận đận, nếu Sanh vào mùa Đông, là người có Chức có quyền nhưng vượt qua nhiều cơn giông bão.

Khi đi vào Hậu Vận, có người Vãn Chưa thành sự nghiệp, nhưng đa phần đều sung Sướng hơn thời Tiền, Trung Vận. Dù ở hoàn cảnh nào, Quý Cháu Trai cũng không bao giờ bằng lòng với hiện tại, trong lòng vẫn nuôi những mong ước Cao Xa, Chí "tang bồng hồ thi" Vãn đeo đẳng tâm hồn, ngoại trừ Quý Cháu Trai biết nương vào Tôn Giáo, chấp nhận hiện tại, mới được an vui.

Bây giờ Quý Cháu Trai với tuổi còn quá nhỏ, được sự bảo dưỡng của gia đình, cần cố gắng chăm chỉ học hành, vâng lời Bố Mẹ, trau dồi tánh đức, vì việc học chính là con đường tươi sáng đưa đến sự nghiệp rõ ràng trong mai sau, là vốn liếng chắc thật, để có dịp báo hiếu Mẹ Cha, đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục, là hành trang đầy đủ để tiến bước trong cuộc đời vốn nhiều sóng gió phía trước.

*Canh Tý, mạng Thổ cung Càn,
Đất ở đầu vách khó mà tìm ra.
Nhỏ thời vất vả phiêu lưu,
Lớn lên lập nghiệp lắm ưu lắm phiền.
Số tuổi khảng khái đảm đương,
Thấy mạnh hiệp yếu thi thường nhảy vào.
Bạc tiền như thể chim bao,
Giàu có như thể sớm vào tối ra.
Tạo lập lắm cửa lắm nhà,
Mua cát rồi bán thế là trắng tay.
Thấy người yếu thế cô đơn,
Có tiền cũng giúp chẳng cần đền ơn.
Số tuổi có chức có quyền,
Có tay quán xuyên có quyền khiển binh.
Vợ chồng xung khắc hay rầy,
Thế mà con cháu đầy nhà phải lo.*

Quỹ Cốc Toán Mệnh

Để chắc chắn và đi sâu hơn trong phần bình giải lá số tử vi, chúng tôi kết hợp thêm phần phụ đoán theo Quỹ Cốc Toán Mệnh để Quý Cháu Trai có thể biết rõ hơn về số mệnh mình. Xem Tướng chấm net nhận thấy tứ trụ của Quý Cháu Trai có Lương Đầu Kiếm là **Canh Ất**, ứng với quẻ **TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ**. Theo Quỹ Cốc tiên sinh, đây là cục **HOA VIÊN VŨ THỤ** (Cây trong vườn hoa gặp mưa), nghĩa là: Tiền bạc đến tay hết liền (Tiền tài đào thủ nhiếp tận)

Các câu thơ sau chứa đựng nhiều hàm ý tiên định của Quỹ Cốc Tiên Sinh và cùng lời bình giản lược:

- Thủ mệnh quyền ư phủ ngưỡng, nội quan bất túc ngoại quan hữu dư tác sự hữu lao nhi vô công, sở vi hữu đầu vô vĩ, tài nhược phù vân tụ tán, thân nhược thu diệp tiêu điều, độc tướng đương phong nan vi địch khiếp, vạn sự tha đà giai thị mệnh mạc hiềm thời vận đào lai tri.
- Mệnh này quyền ở cú đầu ngừng trông, xem bên trong thì không đủ, nhìn bề ngoài thấy có dư, làm việc nhọc nhằn mà lại chẳng có công trạng, làm việc nào cũng có đầu mà chẳng có đuôi, tiền bạc như mây nổi tụ lại rồi tan mất, thân bằng quyến thuộc như lá cây mùa thu tiêu điều rơi rụng lờ thơ, một viên tướng đương đầu khó làm kẻ địch sợ, muôn việc lần lữa chật vật là do mệnh trời, chớ hiềm thời vận về tới chậm. [xem chi tiết](#)

Lượng Số Bình Giải

Số 5 lượng

Hai chữ lợi danh nhọc xác thân
Ba mươi tuổi lẻ mới nên phần
Từ nay tài lộc đều hưng vượng
Hòe quế chi lan sức nức sần.

Nói chung, Quý Cháu Trai có số lượng và số chỉ này thường hay suy nghĩ, làm ăn không được thịnh vượng. Cuộc đời ngoài 30 tuổi mới thấy phần chấn phát đạt. Hào con hào của được tương vượng và bền lâu. Số này được hưởng phần hương quã.

Mệnh bình giải

CAN SINH CHI: Quý Cháu Trai được trời ưu đãi để làm việc. Vừa có khả năng vừa gặp may mắn thuận lợi để đưa đến thành công dễ dàng. Ngoài ra Quý Cháu Trai có cung mệnh ở thế sinh xuất (cung mệnh ở cung âm) tức là người hào sảng phóng khoáng, dễ tha thứ.

MỆNH CỤC TƯƠNG HÒA: Quý Cháu Trai dễ hòa mình với đời sống bên ngoài Dù với hoàn cảnh nào Quý Cháu Trai cũng có thể hòa đồng, vui vẻ chấp nhận.

Tuổi Tí: Sao chủ Mệnh: THAM-LANG. Sao chủ Thân: Linh-Tinh.

Gian hiểm, tham lam, có nhiều dự vọng, không quả quyết, không bền chí, yếm thế, hay chơi bời và thường bỏ dở công việc nửa chừng. Quý Cháu Trai có óc kinh doanh và thường chuyên về thương mại, kỹ nghệ, thủ công, nhưng tài lộc, công danh chật vật. Hay bị bệnh tật, nhất là ở bộ phận sinh dục hoặc bộ phận tiêu hóa Có thể bị hình tù hay tha phương cầu thực, lang thang phiêu bạt giang hồ, không có nơi cư ngụ nhất định. Đối với phụ nữ, người có THAM hãm-địa rất dễ sa ngã, hư đốn, có chồng còn đa mang ngoại tình (THAM hãm-địa). Yếm thế, làm việc gì cũng hay gặp thất bại và hay gặp sự chằng lảnh. Có chí hướng đi tu (THAM ở Mão, Dậu).

Dâm đảng, lãng loạn (THAM, Đào-Hoa hay Hồng-Loan hay LIÊM).

Công danh, tài lộc ở mức độ bình thường, không có gì xuất sắc hơn người (TỬ-VI bình hòa).

Đi tu (nếu hội thêm Địa-Không, Địa-Kiếp lại càng chắc chắn) (TỬ, THAM đồng cung).

Văn tinh ám cũng: Định-Quý-Cuộc (Văn-Xương tọa thủ ở Mệnh có Văn-Khúc đồng cung hay xung hợp chiếu hay ngược lại). Người thanh nhã, có danh tiếng. Văn - Xương, Văn Khúc: rất xuất sắc trong ngành học ưa thích, kiến thức thông thái Có tài trình bày mạch lạc, có hệ thống. Lời nói có tính chân thật, nói ra những điều mình nghĩ từ đó thu hút người khác bằng sự chân thành, tha thiết. Có khả năng thuyết phục người đối diện bằng tình cảm và bằng kiến thức thông thái

Mệnh có LIÊM-TRINH, THAM-LANG, PHÁ-QUÂN, THẮT-SÁT, VŨ-KHÚC là số quan võ đóng ở biên thùy (không tốt nếu gặp Văn-Khúc).

Mệnh có Hóa-Khoa, Hóa-Quyền: Được vinh hiển.

Mệnh có Văn-Xương, Văn-Khúc: Người thanh nhã, có danh tiếng.

Người nhân hậu, từ thiện, hay gặp may mắn, hiếu thảo, thành tín, chung thủy, có óc tin ngưỡng, có căn đi tu, trọng ân nghĩa. Nhờ ở đức hạnh xữ thế và thiện tâm sẵn có nên được thiên hạ quý mến (Ân-Quang (Mộc)).

Có sức thu hút, quyền rũ, vui vẻ, mau mắn, đa tình, có duyên. Có khiếu về mỹ thuật, âm nhạc nhưng thường thiếu kiên nhẫn và hay bỏ dở công việc. Về hôn nhân, đàn ông có thể có hai đời vợ hoặc có vợ lẻ, nhân tình (Hồng-Loan (Mộc)).

Đức độ, khoan hòa, nhân hậu hay giúp người (Địa-Giải (Thổ)).

Vui tính, hài hước, gặp nhiều may mắn. Kỵ gặp Điều-Khách vì Điều-Khách che hóa bớt sự may mắn của Hỉ-Thần (Hỉ-Thần (Hỏa)).

Người âm thầm suy tính, dễ tin, dễ bị thiệt thòi vì đôi khi chủ quan. Thông minh, vui vẻ, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện (Thiếu-Âm (Thủy)).

Mệnh có Xương, Khúc gặp Thiên Thương hay Thiên Sứ ở cung nhị hợp thường chằng sông lâu

Người có Xương Khúc ở Mệnh có vẻ mặt thanh tú, khôi ngô hợp với quý tướng, đàn bà thì có nhan sắc. Trường hợp phụ nữ có Xương Khúc đắc địa tọa thủ ở 6 cung Thìn Tuất Sửu Mùi Tỵ Hợi thì có thân hình đẹp, có thể theo kiểu thẩm mỹ hiện thời Lưu Ý cần phải có Xương Khúc phối chiếu Về tính tình: Thông minh, hiếu học, học giỏi, suy xét, phân tích, lý luận giỏi, có năng khiếu rất sắc bén về văn chương, mỹ thuật, âm nhạc. Dễ xúc động, đa tình, đa cảm, dễ buồn, dễ khóc. Phái nam thì có tâm hồn đàn bà, nặng về tình cảm, nhút nhát, hay e lệ. Ngoài ra còn có nghĩa là thích trang điểm, chường diện. Trường hợp hãm địa thì có nghĩa là có hoa tay, khéo tay, giỏi về thủ công, mỹ nghệ. Nếu có Thiên Riêu đồng cung thì đa nghi, tin dị đoan, người có tính đồng bóng. Biết dùng lý trí để suy xét, phân tích, lý luận. Có năng khiếu rất sắc bén về văn chương, mỹ thuật, âm nhạc. Rất dồi dào tình cảm, dễ xúc động. Người nho nhã, thanh tú, khôi ngô, xinh đẹp (Văn-Xương (Kim)). Rất cần Hóa-Quyền và Hóa-Lộc hội hợp. Không hợp cho người mệnh Hỏa, chỉ hợp cho người mệnh Kim. Coi chừng năm xung (xấu) gặp Hóa-Kỵ có thể bị thương tích.

Thâm trầm, kín đáo, hay suy nghĩ sâu xa, đa sầu, đa cảm (bi quan). Có tài tính toán, biết mưu cơ kế hoạch. " Tử là giai đoạn già nua suy yếu của ngũ hành. Lực không còn theo tâm nữa; cần phải được sự phù giúp mới có thể thành công." (Trích sách Tử Vi đầu số toàn thư của Vũ Tài Lục trang 266)

Nếu bạn tin vào thuyết "Nhân Quả" thì người tuổi Tí có sao Thiên-Tài ở Mệnh: Nên trao dồi nhân đức, khả năng mới có thể gặt hái được những kết quả mong muốn (trích TỬ VI CHỈ NAM của Song-An Đổ-văn-Lưu, Cam-Vũ trang 286).

Thân bình giải

Thân cư Phúc-Đức: Người có cách này dùng tình cảm, trực giác để hành động hơn là lý trí. Đây là mẫu người có đầu óc bảo cổ hay là một nhà luân lý, đạo đức.

Thân có Thiên-Đức, Nguyệt-Đức và Đào-Hoa vợ chồng xứng đôi .

Phụ Mẫu bình giải

Cha mẹ bất hòa hay bỏ nhau, hay một còn một mất từ lúc con còn ít tuổi (CỰ-MÔN đơn thủ tại Thìn).

Sớm khắc một trong hai thân. Nếu không, tất phải sớm xa cách hai thân (TUẦN án ngữ).

Cha mẹ vất vả nếu không cũng bất hòa hay cha mẹ và con không hợp tính nhau. Có thể cha mẹ bị mất sớm hay bị ngục tù, chia cách. Có thể không nhờ vả được cha mẹ mà còn phải gánh nợ của cha mẹ để lại (Địa-Không (Hỏa)).

"Quốc Ấn tác phụ chức quyền trọng" (Cha có quyền chức).

Thể chất ốm yếu, da xanh xao vàng vọt (Bệnh-Phù (Thổ)).

Cha mẹ đức độ, khoan hòa, nhân hậu, giúp người (Thiên-Giải (Hỏa)). Ngoài ra còn khắc chế được hai Hung-tinh Đà-La và Kiếp-Sát.

Cha mẹ thanh tú, ôn hòa, nhân hậu, điềm đạm, cởi mở, đoan trang (Long-Trì (Thủy)).

Cha mẹ ưa xa hoa, lộng lẫy, điệu bộ, lời nói kiêu cách. Ra ngoài được mọi người yêu quý. Cái gặp Mộc - Dục, Thiên - Riêu thì trở nên dâm dăng (Hoa-Cái (Kim)).

Cha mẹ biết thời cơ, lúc tiến, lúc lui. Hay mắc thị phi, kiện cáo, ưa lý luận. Tinh thần ganh đua, có tài lý luận, xét đoán và có năng khiếu về pháp luật (Quan-Phù (Hỏa)).

Cha mẹ có phong độ trượng phu, tác phong quân tử. Có tài cả về Văn lẫn Võ, có bằng cấp (đỗ đạt), có uy tín. Sao Quốc-Ấn được tượng trưng là cái Áo của vua ban hay bằng sắc.

Phúc đức bình giải

Được hưởng phúc suốt đời hay gặp may mắn. Trong họ có nhiều người quý hiển giàu sang (TƯỚNG đơn thủ tại Ty) .

Phải lập nghiệp xa quê hương mới khá giả. Họ hàng xa sút nhất là ngành trượng (Tuần, Triệt).

Trong họ nhiều người gian manh, đạo tặc (Phá Toái ngộ Kiếp Sát).

Không thể giàu có lớn được. Họ hàng ly tán, tha phương lập nghiệp (Đại-Hao (Hỏa)).

Điền Trạch bình giải

Chú ý: cung Điền xấu thì con người nghèo về nhà cửa, ruộng vườn, xe cộ, hoa màu, cơ xưởng làm ăn, vật phẩm sản xuất. Cung Điền xấu không có nghĩa là nghèo tiền bạc (trích Tử-Vi Tổng Hợp của cụ Nguyễn Phát Lộc, trang 398).

Có nhà đất của tiền nhân để lại, nhưng về sau lại mua tậu thêm rất nhiều (THIÊN-LƯ'ONG đơn thủ tại Ngọ).

Nhà cửa to tát rất đẹp đẽ (Thiên-Khôi, Thiên-Việt).

Làm ăn, tạo lập cơ nghiệp ở phương xa (TRIỆT án ngữ).

Thích dùng tài sản để làm việc từ thiện (Thiên-Phúc (Hỏa)).

Có thể tài sản không có gì hay tài sản bị sang đoạt, bị phá sản, bị tai họa về tài sản (nhà cháy, ...) hoặc sang đoạt hay tạo lập tài sản bằng phương pháp tảo bạo, ám muội (Địa-Kiếp (Hỏa) hãm-địa).

Quan lộc bình giải

Chuyên về quân sự nhưng thăng giáng thất thường, nhanh lên để rồi chóng xuống. Trong cái may thường chứa đựng nhiều cái rủi. Tai họa đi liền với lợi danh. Nếu kinh doanh buôn bán hay chuyên về kỹ nghệ, cũng phát đạt và được yên thân (LIÊM, SÁT đồng cung).

Thường hay bị cạnh tranh nghề nghiệp (Quan-Phù (Hỏa) hãm-địa).

Công danh hiển đạt. Có văn tài lỗi lạc (Xương, Khúc).

Có uy quyền. Ăn nói hùng hồn. Ra đường được nhiều người kính phục. Lúc thiếu thời gặp nhiều trở ngại trên đường công danh, đến khi đứng tuổi mới được xứng ý toại lòng. Nên chuyên về pháp lý hay chính trị (Khốc, Hư: Sáng sửa tốt đẹp). Mờ ám xấu xa: Hay gặp sự phiền lòng, công danh trắc trở.

Gặp nhiều trở ngại trên đường công danh (TRIỆT án ngữ). Sáng sửa tốt đẹp: Chức vị thăng giáng thất thường. Nếu công danh rực rỡ, cũng chẳng được lâu bền. Không những thế lại còn gặp nhiều tai ương, họa hại. Đặc biệt chú ý: SÁT, PHÁ, LIÊM, THAM, Sát-tinh hay Bại-tinh sáng sửa tốt đẹp, gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ cũng đỡ lo ngại về sự thăng giáng hay chiết giảm công danh sự nghiệp.

Nhiều sao mờ ám xấu xa: Mưu cầu công danh buổi đầu khó khăn nhưng về sau lại dễ dàng. Có chức vị khá lớn. Đôi khi cũng thăng giáng thất thường. Đặc biệt chú ý: SÁT, PHÁ, LIÊM, THAM, Sát tinh hay Bại-tinh mờ ám xấu xa gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ lại hoạnh phát công danh một cách thất thường.

Nô bộc bình giải

Khó thuê mướn người làm (Lộc-Tồn). Ít bạn bè. Nếu cung MỆNH xấu thì vất vả, lận đận cả đời.

Thiên di bình giải

Ra ngoài bị hao tán (Kinh Dương hãm địa).

Có bằng sắc phẩm hàm (Thai Phụ ngộ Phong Cáo).

Ra khỏi nhà thường gặp nhiều người thăm yêu, trộm nhớ. Ngoài ra còn có nghĩa là nhờ vả người khác phải về mặt ái tình hoặc công danh hoặc tài lộc (Đào-Hoa (Mộc)).

Tật ách bình giải

Thường có tỳ vết ở hậu môn. Hay đau bụng tiêu chảy. Khi đau yếu hay mắc tai nạn thường không gặp được người giúp đỡ (Cô-Thần, Quả-Tú).

Phú: "Ba phương chiếu lại một phương, Thấy sao Tử Phủ, Thiên Lương cùng là, Thiên Quan, Thiên Phúc hợp hòa, Giải Thần, Nguyệt Đức một tòa trừ hung."

Dễ bị đau bụng do bộ phận tiêu hóa kém (ĐỒNG).

Ngã đau có thương tích (Điếu-Khách (Hỏa)).

Ảnh hưởng cứu giải khá mạnh mẽ. giảm bớt sự nguy hiểm (Hóa-Khoa (Thủy)). Thí dụ như: mắc nạn gặp người cứu. Nếu đau yếu thì gặp thầy, gặp thuốc.

Giải trừ bệnh tật tại ương (Giải-Thần (Mộc)).

Cứu giải những bệnh tật hay tại ương nhỏ (Thanh-Long (Thủy)).

Tài bạch bình giải

"Đại Phú do Thiên, Tiểu Phú do cần cù".

Chú ý: Cung Tài chỉ diễn tả tình trạng sinh kế tổng quát của cuộc đời, chứ không mô tả hết sự thăng trầm của từng giai đoạn. Thành thử, muốn biết cái nghèo trong từng chi tiết, trong từng thời kỳ, người xem số phải đoán các cung Hạn (trích Tử-Vi Tổng Hợp của cụ Nguyễn Phát Lộc, trang 398).

Tiền vào tay này sang tay kia Trước không sau có. Nên chuyên về kỹ nghệ hay thương mại (VÚ, PHÁ).

Khó giữ được cơ nghiệp của cha mẹ để lại (VÚ, PHÁ tọa thủ đồng cung tại Hợi).

Phá sản (Hao, PHÁ).

Có máu cờ bạc, thích đánh bạc (Văn-Xương, Văn-Khúc).

Hay có người giúp tiền. Thường được hưởng của thừa tự (Ân-Quang, Thiên-Quý).

Tiền xài kỹ lưỡng (Đầu-Quân (Hỏa)).

Thường được người giúp tiền bạc, của cải Thường được may mắn về tiền bạc. Có thể được hưởng di sản (Thiên-Quý (Thổ)).

Phú: "Lưỡng Hao chiếu vào Điền Tài, Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu". Kiểm ít tiêu nhiều giàu sao được. Hao tài, tán tài hay có dịp phải tiêu xài luôn (Tiểu-Hao (Hỏa)).

Thích cờ bạc (Văn-Khúc (Thủy)).

Chỉ sự hạnh thông về tiền bạc, sự may mắn trong việc tạo sản không phải đấu tranh chật vật. Thường dùng tiền của để bố thí, làm việc thiện, việc xã hội (Thiên-Quan (Hỏa)).

Tử tức bình giải

Muộn sinh con mới dễ nuôi Sau thường chỉ có ba con (NHẬT đơn thủ tại Tí).

Nhiều con, đông con (Đế-Vượng, Trường-Sinh).

Con khá giả. Sau được nhờ con (Hóa-Lộc (Mộc)).

Phu / Thê bình giải

Trai lấy vợ đẹp, trẻ. Gái lấy chồng đứng tuổi nhưng quý hiển. Vợ chồng chung sống trong sự sung túc nhưng hay cãi lộn với nhau (PHŨ đơn thủ tại Sửu).

Vợ chồng xứng đôi (Thiên-Đức, Nguyệt-Đức, Đào-Hoa).

Người phối ngẫu có bằng sắc (Thai Phụ, Phong Cáo).

Vì có Thiên Không tọa thủ nói lên sự cản trở từ sự bố trí có thủ đoạn của một bên cho bên kia bị mắc kẹt. Có thể chàng trai tìm cách đóng ván thành thuyền trước hoặc cô gái biết yếu điểm người yêu công bố sớm việc hứa hôn để đặt bên kia trước việc đã rồi! Cũng có thể cả hai cùng toa rập đặt cha mẹ hai bên trước trường hợp phải quyết định theo ý đôi trẻ, hoặc bên trai hay gái có sự dụ dỗ nào đó đối với kẻ nhẹ dạ. Dù dưới hình thái nào, bên trong cũng có thủ đoạn để chi phối quyết định của bên kia Trò chơi của Thiên Không rất nguy hiểm. Nếu có thêm sao xấu đi kèm, hôn nhân rất nhạy rã đám." (trích Tử Vi tổng hợp của Nguyễn Phát Lộc trang 505).

Huynh đệ bình giải

Ít anh chị em (CƠ, NGUYỆT đồng cung tại Dần).

Trong nhà thiếu hòa khí (Cô-Thần, Quả-Tú).

Gia đình ly tán, anh chị em bất hòa (Tang-Môn, Thiên-Mã).

Phú: "Tang Môn ngộ Mã đình ninh, Mỗi người mỗi xứ gia đình quạnh hieu" Phú: "Tang Môn ngộ Mã xấu sạo Mỗi người mỗi xứ ai nào thấy ai".

Anh chị em quý hiển, sang trọng (Khôi, Việt).

Anh chị em thường không được ở gần nhau (Thiên-Mã (Hỏa)).

Ít hợp tính với anh chị em trong nhà hoặc hiếm anh chị em (Cô-Thần (Thổ)).

Anh chị em kiêu hãnh, anh chị em ít khi hòa thuận hay không sống gần nhau đối lại còn tranh giành nhau về tài sản (Hóa-Kỵ (Thủy)).

Trong số anh chị em có người danh giá, tài ba tạo nên sự nghiệp (Thiên-Việt (Hỏa)).

Hôn nhân / Hỉ tín

Hạn tuổi năm15: Hạn tuổi năm16: Hạn tuổi năm17: Hạn tuổi năm18: Hạn tuổi năm19: Hạn tuổi năm20: Hạn tuổi năm21:
Hạn tuổi năm22: Hạn tuổi năm23: Hạn tuổi năm24: Hạn tuổi năm25: Hạn tuổi năm26: Hạn tuổi năm27: Hạn tuổi năm28:
Hạn tuổi năm29: Hạn tuổi năm30: Hạn tuổi năm31: Hạn tuổi năm32: Hạn tuổi năm33: Hạn tuổi năm34: Hạn tuổi năm35:
Hạn tuổi năm36: Hạn tuổi năm37: Hạn tuổi năm38: Hạn tuổi năm39: Hạn tuổi năm40: Hạn tuổi năm41: Hạn tuổi năm42:
Hạn tuổi năm43: Hạn tuổi năm44: Hạn tuổi năm45: Hạn tuổi năm46: Hạn tuổi năm47: Hạn tuổi năm48: Hạn tuổi năm49:
Hạn tuổi năm50: Hạn tuổi năm51: Hạn tuổi năm52: Hạn tuổi năm53: Hạn tuổi năm54: Hạn tuổi năm55: Hạn tuổi năm56:
Hạn tuổi năm57: Hạn tuổi năm58: Hạn tuổi năm59: Hạn tuổi năm60: Hạn tuổi năm61: Hạn tuổi năm62: Hạn tuổi năm63:
Hạn tuổi năm64:

Hôn nhân / Hỉ tín

Cung hạn cung Tí.

Cung hạn cung Sửu

Có hỉ tín (Thiên-Đức, Nguyệt-Đức, Đào, Thiên-Hỉ).

Nhanh chóng, bất ngờ, bất thần, đột ngột (Thiên-Không (Hỏa)).

Cung hạn cung Dần.

Cung hạn cung Mão

Có hỉ tín (Sát, Phá, Liêm, Tham, Hồng).

Hối thúc, làm cho nhanh chóng (Linh-Tinh (Hỏa)).

Cung hạn cung Thìn.

Đám hỏi (Long, Riêu, Hỉ).

Làm cho khó khăn, chậm trễ cuộc hôn nhân (TUẦN).

Chỉ việc cưới hỏi bất thành, trai gái phải đau khổ vì mối tình bất toại (Địa-Không (Hỏa) Hãm-địa).

Chỉ sự phân bội, phụ rẫy trong tình yêu (Quan-Phù (Hỏa)).

Cung hạn cung Tỵ.

Có hỉ tín (Thiên-Đức, Nguyệt-Đức, Đào, Thiên-Hỉ).

Làm cho khó khăn, chậm trễ cuộc hôn nhân (TUẦN).

Cung hạn cung Ngọ.

Cung hạn cung Mùi

Có hỉ tín (Sát, Phá, Liêm, Tham, Hồng).

Làm cho khó khăn, chậm trễ cuộc hôn nhân (TRIỆT).

Chỉ sự phân bội, phụ rẫy trong tình yêu (Quan-Phù (Hỏa)).

Cung hạn cung Thân.

Cung hạn cung Dậu

Có hỉ tín (Thiên-Đức, Nguyệt-Đức, Đào, Thiên-Hỉ).

Hối thúc, làm cho nhanh chóng (Hỏa-Tinh (Hỏa)).

Đám hỏi (Long, Riêu, Hỉ).

Hối thúc, làm cho nhanh chóng (Hỏa-Tinh (Hỏa)).

Cung hạn cung Tuất.

Có con xinh đẹp (Thai, Thanh-Long, Thiên-Hỉ).

Cung hạn cung Hợi

Có hỉ tín (Sát, Phá, Liêm, Tham, Hồng).

Kén chọn hay ngăn trở (Đầu-Quân (Hỏa)).

Sao này không bao giờ có lợi cho hôn nhân và cho hạnh phúc lứa đôi Nếu Hạn rơi vào thì việc lập gia đình sẽ khó thành (PHÁ-QUÂN Hãm-địa).

Sinh Con / Hỉ tín

Hạn tuổi năm15:

Hạn tuổi năm16:

Hạn tuổi năm17:

Hạn tuổi năm18:

Hạn tuổi năm19:

Hạn tuổi năm20:

Hạn tuổi năm21:

Hạn tuổi năm22:

Hạn tuổi năm23:

Hạn tuổi năm24:

Hạn tuổi năm25:

Hạn tuổi năm26:

Hạn tuổi năm27:

Hạn tuổi năm28:

Hạn tuổi năm29:

Hạn tuổi năm30:

Hạn tuổi năm31:

Hạn tuổi năm32:

Hạn tuổi năm33:

Hạn tuổi năm34:

Hạn tuổi năm35:

Hạn tuổi năm36: Có con (Thai, Thanh-Long, Đế-Vượng).

Hạn tuổi năm37:

Hạn tuổi năm38: Có con (Thai, Thanh-Long, Đế-Vượng).

Hạn tuổi năm39:

Hạn tuổi năm40:

Hạn tuổi năm41:

Hạn tuổi năm42: Có con (Thai, Thiên-Phúc, Khôi, Việt, Thanh-Long, Long-Tri).

Hạn tuổi năm43:

Hạn tuổi năm44:

Hạn tuổi năm45:

Hạn tuổi năm46:

Hạn tuổi năm 47:
Hạn tuổi năm 48:
Hạn tuổi năm 49:
Hạn tuổi năm 50:
Hạn tuổi năm 51:
Hạn tuổi năm 52:
Hạn tuổi năm 53:
Hạn tuổi năm 54:

Hạn tuổi

Người tuổi Tí kỵ năm: Dần, Thân, Tí, Ngọ và Hạn Tam-Tai: Dần, Mão, Thìn. Năm hạn: Dần, Thân. Năm xung: Ngọ.

Hạn xấu

Cung hạn cung Tí.

Cung hạn cung Sửu

Cung hạn cung Dần.

THIÊN-CƠ gặp Tang, Khốc: Coi chừng bị té ngã hay có tang.

Tang, Hổ, Điếu, Binh (Tứ Hung): Rất độc, báo hiệu cho tai nạn, họa lớn, tang tóc.

Tang, Mã, Khốc, Hư: Coi chừng có tang.

Tang, Quả, Khốc, Hư: Coi chừng có tang.

Cung hạn cung Mão

Cung hạn cung Thìn.

Cung hạn cung Tỵ.

Cung hạn cung Ngọ.

Tang, Hổ, Điếu, Binh (Tứ Hung): Rất độc, báo hiệu cho tai nạn, họa lớn, tang tóc.

Cung hạn cung Mùi

Xương, Khúc, LIÊM, Kinh, Đà: Coi chừng có tai nạn.

Cung hạn cung Thân.

Cung hạn cung Dậu

Cung hạn cung Tuất.

Tang, Hổ, Điếu, Binh (Tứ Hung): Rất độc, báo hiệu cho tai nạn, họa lớn, tang tóc.

Cung hạn cung Hợi

Hạn tổng quát

Cung hạn: cung Tí.

NHẬT gặp Long-Trì: Coi chừng bị đau mắt.

Hóa-Lộc: Tài lộc phong phú. Đau ốm chóng khỏi Thăng quan tiến chức.

Tướng-Quân: Có uy quyền.

Thăng quan, tiến chức (Tướng Quân, Quốc Ấn).

Cung hạn: cung Sửu

THIÊN-PHỦ: Công danh hiển đạt, tiền tài tăng tiến.

Tam-Thai: Có danh chức, tài lộc dồi dào

Bát-Tọa: Có danh chức, tài lộc dồi dào

Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.

Thiên-Không: Nếu đang đau ốm chắc chắn là sẽ qua khỏi Tuy nhiên mọi mưu sự thì chẳng được toại ý, kinh doanh thất bại, buôn bán thua lỗ. Nếu không có thể bị vướng vào vòng tù tội

Có bằng cấp, được khen thưởng (Thai Phụ, Phong Cáo).

Cung hạn: cung Dần.

THIÊN-CƠ gặp Tang, Khốc: Coi chừng bị té ngã hay có tang.

THIÊN-CƠ gặp Khốc, Hư: coi chừng mắc bệnh phổi, hay bị ho nhiều

Tang-Môn: Coi chừng đau bệnh, mất cửa, tù tội hay có thể có tang.

Tang-Môn gặp PHẢ, Ky (nếu nhập Hạn tại cung Nô-Bộ): Coi chừng làm ơn mắc oán.

Thiên-Mã gặp Khốc, Khách: Có uy quyền, nếu có quan chức tất được cao thăng.

Phát tài (đại hạn 10 năm, tiểu hạn 1 năm) (Mã ngọ Thiên Khốc).

Hạn xấu có Tứ Hung (Tang, Hổ, Điếu, Binh).

Cung hạn: cung Mão

Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vậ lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-

Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

TỬ-VI tại Tỵ, Hợi, Mão, Dậu: Danh tài bình thường và nếu có tai họa cũng khó mà giải trừ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SẮT, PHẢ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Ấn-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Cung hạn: cung Thìn.

Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Tri gặp Mộc Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sữ.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Thăng quan, tiến chức (Tướng Quân, Quốc Ấn).

Phú: "Tứ Linh Cái Hồ Phục Long, Công danh quyền thế lấy lừng một phen."

Cung hạn: cung Tỵ.

Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TƯỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung

Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị trất giáng.

Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Cung hạn: cung Ngọ.

Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu. Có thể bị giáng chức nếu có chức

vụ.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn xấu có Tứ Hung (Tang, Hồ, Điếu, Binh).

Cung hạn: cung Mùi

Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

Đà-La sáng sửa tốt đẹp: Mưu sự tất thành một cách nhanh chóng. Nhưng may đi liền với rủi

Cung hạn: cung Thân.

Lộc-Tồn gặp Hóa-Lộc: Đại phát tài

Phú: "Tứ Linh Cái Hồ Phục Long, Công danh quyền thế lấy lừng một phen."

Cung hạn: cung Dậu

Kinh Dương sáng sửa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay

Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Kinh Dương gặp Lục-Si: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.

Long-Tri gặp Mộc Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sữ.

Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.

Có bằng cấp, được khen thưởng (Thai Phụ, Phong Cáo).

Cung hạn: cung Tuất.

Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Hóa-Khoa gặp Khôi, Việt, Xương, Khúc: Nếu thi cử tất được đỗ cao. Nếu có quan chức tất được cao thăng. Mưu sự được toại lòng.

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn xấu có Tứ Hung (Tang, Hồ, Điếu, Binh).

Cung hạn: cung Hợi

PHÁ-QUÂN gặp SÁT, Linh: Coi chừng bị tù tội

Hóa-Quyền gặp THAM, VŨ: Mọi mưu sự đều được toại lòng. Danh tài hưng vượng và có uy quyền hiển hách.

Đại, Tiểu-Hao gặp PHÁ: Coi chừng hao tán tiền tài, hay bị túng thiếu

Ấn-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm5: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vả lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa. Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ấn-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm6: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vả lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa. Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ấn-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm7: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vả lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa. Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm8: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm9: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm10: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm11: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm12: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm13: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm14: Thổ-Mệnh: Hạn đến cung Mão, thuộc quẻ Chấn thuộc Mộc. Thổ khắc Mộc, vãi lại Chấn là biểu tượng của sấm sét, điện, lửa Vì thế Bản-Mệnh đã suy nhược lại bị hoại thương. Do đó thường hay mắc bệnh điên cuồng, hay bệnh khí huyết rất nguy hiểm.

THAM-LANG có Hồng, Đào: Có thể lấy chồng, hay lấy vợ.

Linh-Tinh gặp Xương, VŨ, La: Coi chừng bị tù tội hay bị chết đuối

Linh-Tinh gặp THẮT-SÁT, PHÁ-QUÂN: Coi chừng bị tù tội

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Ân-Quang, Thiên-Quý: Mọi chuyện như ý, danh tài hưng vượng, luôn luôn gặp quý nhân phù trợ. Nếu bị đau ốm thì chóng khỏi

Hạn tuổi năm15: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Trì gặp Mộc Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đền bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sò.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm16: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Trì gặp Điếu: Coi chừng bị té ngã xuống sông, hồ.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm17: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Trì gặp Mộc Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sỡ.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm18: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Trì gặp Điếu: Coi chừng bị té ngã xuống sông, hồ.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm19: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm20: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm21: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm22: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Tả, Hữu: Coi chừng đi lừa người khác.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm23: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm24: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Quan-Phủ hay Quan-Phù: Coi chừng gặp chuyện lo buồn, kiện cáo

Long-Trì gặp Mộc Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sỡ.

Quốc-Ấn gặp TUẦN, TRIỆT: Công danh trắc trở. Nếu có quan chức tất bị truất giáng.

Thiên-Giải, Địa-Giải: Giải trừ được tai họa

Hạn tuổi năm25: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TƯỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung

Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị trất giáng.

Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 26: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 27: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 28: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 29: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 30: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 31: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 32: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 33: Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 34: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

THIÊN-TUỚNG có TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng, bị đau ốm, tiểu nhân mưu hại, bị thương tích ở đầu, mặt. Nếu cung nhập Hạn là cung Thiên Di: Mưu sự chẳng được toại lòng, công danh trắc trở. Nếu có chức tước thì coi chừng bị thất giáng.
Đại, Tiểu-Hao gặp Tuyệt: Coi chừng có thể bị phá sản.

Hạn tuổi năm 35: Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm 36: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Đại-Không gặp Tả, Hữu: Coi chừng đi lừa người khác.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Phục-Binh gặp Tuế, Ky: Coi chừng có chuyện tranh chấp, kiện cáo

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm 37: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những

sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm38: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Địa-Không gặp Tả, Hữu: Coi chừng đi lừa người khác.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Phục-Binh gặp Tuế, Ky: Coi chừng có chuyện tranh chấp, kiện cáo

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm39: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm40: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm41: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm42: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Long, Phượng gặp Thai: Có tin mừng (có mang thai).

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm43: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

Thiên-Khôi gặp TUẦN, TRIỆT án ngữ: Coi chừng bị mắc tai nạn khủng khiếp hay bị thương tích ở đầu Có thể bị giáng chức nếu có chức vụ.

Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm44: Phục-Binh gặp Tang-Môn: Coi chừng có tang lớn.

Thiên-Khốc: Có chuyện buồn phiền, đau yếu Mưu sự trước khó sau dễ.

Thiên-Hư: Coi chừng sức khỏe kém, hay có chuyện buồn bực hay có thể bị đau răng.

Hạn tuổi năm45: LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm46: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm47: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm48: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm49: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm50: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm51: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm52: Nếu gặp TUẦN-TRIỆT án ngữ, hay gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng giải trừ được một phần lớn những sự chẳng lành.

LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm53: LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm54: LIÊM-TRINH gặp THAM, SÁT, PHÁ: Coi chừng đau yếu, hay bị oán trách.

LIÊM-TRINH gặp Kinh, Đà: Coi chừng gặp nhiều sự rủi ro, hay phải bận lòng lo lắng.

Hạn tuổi năm55: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm56: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Lộc-Tồn gặp Mã : Mưu sự toại lòng, danh tài hưng vượng. Nếu đi buôn bán chắc chắn là buôn một bán mười

Bạch-Hổ gặp Phi-Liêm: Mọi chuyện thông suốt, danh tài hoạnh phát, trong nhà có chuyện vui mừng.

Hạn tuổi năm57: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Bạch-Hổ gặp Tấu-Thơ: Mưu sự toại lòng. Nếu có quan chức tất được thăng quan tiến chức. Nếu thi cử thì chắc chắn sẽ đỗ.

Hạn tuổi năm58: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Lộc-Tồn gặp Mã : Mưu sự toại lòng, danh tài hưng vượng. Nếu đi buôn bán chắc chắn là buôn một bán mười

Bạch-Hổ gặp Phi-Liêm: Mọi chuyện thông suốt, danh tài hoạnh phát, trong nhà có chuyện vui mừng.

Hạn tuổi năm59: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm60: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm61: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm62: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Lộc-Tồn gặp Địa-Không, Địa-Kiếp: Coi chừng bị đau yếu, mắc lừa và có thể bị mất của

Hạn tuổi năm63: Lộc-Tồn gặp Hó-a-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm 64: Lộc-Tồn gặp Hóa-Lộc: Đại phát tài

Hạn tuổi năm 65: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Long-Trì gặp Mộc-Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sỡ.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 66: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Đào-Hoa gặp Hồng, Hỉ, Riêu: Có nhân tình.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 67: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 68: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Đào-Hoa gặp Hồng, Hỉ, Riêu: Có nhân tình.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 69: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Long-Trì gặp Mộc-Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sỡ.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 70: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 71: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 72: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 73: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.
Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 74: Kinh Dương gặp Lực-Sĩ: Coi chừng công danh trắc trở. Nếu có công trạng cũng không được nhiều người biết đến.
Hỏa-Tinh gặp Linh-Tinh, Mộc-Dục: Coi chừng bị phỏng.
Long-Trì gặp Mộc-Dục: Coi chừng tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại khi sanh sỡ.
Thai-Phù, Phong-Cáo: Có danh chức.
Kinh Dương sáng sủa tốt đẹp: Coi chừng bị đau yếu, lo buồn, mưu sự tất thành một cách nhanh chóng, nhưng rồi lại bị phá tan ngay.

Trong cái may có chứa đựng nhiều cái rủi

Hạn tuổi năm 75: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 76: Long-Tri gặp Điều: Coi chừng bị té ngã xuống sông, hồ.

Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 77: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 78: Long-Tri gặp Điều: Coi chừng bị té ngã xuống sông, hồ.

Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 79: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 80: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 81: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 82: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 83: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Hạn tuổi năm 84: Hóa-Khoa: Mọi sự thông suốt. Đang đau yếu hay mắc tai nạn thì sẽ được cứu giải

Giải-Thần: Coi chừng sao Giải-Thần chỉ có thể giải trừ được những bệnh tật, tai nạn nhỏ. Nếu gặp những bệnh tật, tai nạn lớn, Giải-Thần không những bất lực mà còn làm cho người ta phải sớm lìa trần thế. Trong trường hợp này Giải-Thần chính là Tử-Thần.

Bổ Túc Bình Giải

(Dựa theo Diễn Cầm Tam Thế của Dương Công Hầu)

Quý Cháu Trai sinh mùa Sương giáng (Sương mù xuất hiện), nhằm Trục **Thành**. Quý Cháu Trai người yên vui. Giàu sang, lịch sự.

Quý Cháu Trai Sanh nhằm ngày Thái Âm, đi xa xứ có nhiều người kính trọng quý hơn thương, 36 tuổi sắp lên vận thời làm ăn phát đạt.

Quý Cháu Trai cốt Khỉ, người khó cảm của, ưa đi chơi, tay chân bộ tướng lẹ làng, có tánh thông minh ứng biến, nhưng không có tánh dè dặt, không chú ý.

Quý Cháu Trai có số về văn chương đặng cậy nhờ về sau, công đường rất thịnh vượng, nam nữ cũng vậy.

Quý Cháu Trai Số phạm Bát Bại thì gia đình sự nghiệp lập không thành, trai đi đông tây, gái đi nam bắc, số lưu lạc phong trần.

Quý Cháu Trai Số phạm Đản Mạng Sát, lúc cha mẹ mới sanh khó nuôi, hạn 3 năm và hạn 6 tuổi, hạn 12 tuổi nên qua khỏi thì đến năm 21, 31 tuổi nên ngừa số phận ai bi.

Quý Cháu Trai số gặp Ngoại Sát, số không ở xứ cha mẹ đi ở xứ khác làm ăn khá. Khắc vợ chồng, khắc con, tay trắng lập nên sự nghiệp.

Quý Cháu Trai số gặp Bật Cửu, ở đời hay có tánh làm lành, y lộc không thiếu, tuổi nhỏ chua khá, đến lớn đặng vui về thịnh vượng.

Quý Cháu Trai Kiếp trước có tánh vui vẻ, trung tính rộng rãi, kiếp này người hay yêu chuộng, anh em có làm qua không ở đặng gần nhau, số đời chỗ ở 3 lần, còn làm chẳng lành thì đời 5 lần mới đặng bình an, khắc cha mẹ.

Số Quý Cháu Trai đặng Kim Ô tánh thông minh hiểu việc, đi xứ nào cũng có tài lợi thịnh vượng, sự nghiệp đặng an cư.

Số Quý Cháu Trai phạm Tài Lộc làm ăn khá sự nghiệp lập nên, có trâu ruộng, tôi tớ đủ dùng, trở nên danh tiếng phú gia.

Số Quý Cháu Trai phạm Vương Lộc tiền tài hưng vượng, sản nghiệp lập thành, tánh hay chơi anh em bạn, trai có vợ gái có chồng gặp đặng chỗ sang trọng.

Quý Cháu Trai có số nuôi được trâu heo và các loài thú nó sanh đẻ nhiều, nuôi mau lớn cái huê lợi ấy nó sanh thêm thịnh vượng.

Quý Cháu Trai số nhằm Chử Bại, ruộng đất cha mẹ cho hay là mình tạo, ở tại chốn quan sanh thì bị thất bại, nếu có ý chí lớn đi xứ khác lập điền viên, thì có đặng chút ít. Cổ nhân nói rằng: 'Hữu phước thì hữu Điền, vô phước thì vô điền', bởi chữ phước có chữ điền. Sách cổ có câu nói rằng: 'Đức năng thắng số', dầu số có đất đai mà không có đức dù có giữ gìn cũng không còn, muốn có đất đai trước phải bồi công tích đức sau mới có.

Quý Cháu Trai học nhiều nhưng thông hiểu thì ít, cho nên cái sự học không nhờ giúp gì được cho ngày sau. Bắt dĩ là học cho biết chữ để nói chuyện với đời đó thôi, chứ khó để đạt.

Quý Cháu Trai gặp số Quan Đãi, đường tình duyên trước xấu sau tốt.

Lời bình giải:

Than ôi ! Trong cảnh phòng loan,
Sanh nhằm Quan Đãi đeo mang nợ tình,
Hai đời phải chịu linh đình,
Thình lình gặp mối chung tình tứ ba,
Ngày sau nên cửa nên nhà,
Đến già trọn đạo gọi là phu thê,
Trong bề gia đạo bề huê,
Tề gia nội trợ mọi bề đặng an.

Quý Cháu Trai sanh con, nuôi được 5 đứa, nếu phước đức nhiều thì sanh con trai, còn ít thì đổi sang con gái. Số này chỉ xem riêng cho Quý Cháu Trai, còn số của người hôn phối nữa, hai bên cộng chung lại thì sẽ khác hơn số dự đoán. Nếu đứa con nào nó ưa cha hơn, thì là con của cha nó, còn đứa nào ưa mẹ hơn thì là con của mẹ nó, đó là cái quả tiền kiếp như vậy. Vợ chồng sinh con dư số định thì đó là quả báo tiền kiếp, bởi thế sinh trong số định thì nó có hiểu, còn sanh dư thì đó là con Trời, con Phật, con Ma, đó là con đi báo quả, đã không có hiểu còn hại cha mẹ.

Quý Cháu Trai có huynh đệ là Quan Đãi, hãy xem câu thơ phía dưới thì rõ hào anh em kiết hung sẽ được tận tường.

Nên xem quan đái số ta,
Anh em cốt nhục một nhà hoan vui,
Dầu cha xa cách buổi đầu,
Rồi sau quy hiệp có đâu xa đường,
Đệ huynh hoà hiệp vẹn toàn,
Gia đàn tạo lập bình an vui vầy,
Nồi ai nấy nấu đủ đầy,
Đứng mừng trong họ sum vầy đệ huynh.

Xem tuổi ông Huỳnh để biết sang hèn, Quý Cháu Trai sinh mùa Sương giáng (Sương mù xuất hiện), được số này nhỏ cực lớn khá ,không nhờ anh em.

Câu thơ tả:

Sanh nhiều chỗ ở trên vai,
Tuổi xuân cực khổ nào hay vận thời,
Ba mươi gặp vận thời lai,
Sấp lên lớn tuổi tiền tài thiếu chi,
Chứng ấy trâu ruộng thiếu gì,
Số trời đã định phải thì thua ai,
Anh em số phận tiền tài,
Chuyện mình mình liệu khó bề cậy nương.

Quý Cháu Trai có số Bại Gia, Phạm nhằm số bại gia không ở nhà cha mẹ đặng phải đổi dời chỗ khác, mới lập đặng thành nghiệp, nếu ở nhà của cha mẹ thì bôn ba cực khổ lắm.

Giờ sinh của Quý Cháu Trai Khắc cha: tính khí rộng rãi có quý hơn thương, đặng nhờ anh em, thuở nhỏ làm ăn bình thường, lo lường lạng lợi cực trí, vợ chồng khắc đời thứ nhất, khắc con, lớn tuổi làm ăn khá.

Quý Cháu Trai sinh vào ngày 14 tháng 9 năm 2020 đã phạm vào ngày xấu **Nguyệt Ky**. Các ngày xấu này sẽ phần nào ảnh hưởng đến cuộc đời Quý Cháu Trai nhiều hay ít sẽ còn lệ thuộc vào cung phúc đức của Quý Cháu Trai.

(Lưu ý:Phần bình giải có thể 'câu này đá câu kia' nhưng hoàn toàn đúng theo số của Quý Cháu Trai, có thể nó chỉ đúng ở một khoản thời gian nào đó trong cuộc đời. Phần lập lại nhiều có khả năng xảy ra nhất.)

Hỏi Đáp:

Thình thoảng chúng tôi lại nghe những thắc mắc, đại khái là : trong cùng một giờ, một ngày, một tháng, một năm có hàng vạn vạn người sinh ra, không lẽ cuộc đời họ cũng giống nhau ư?

Điều ấy đã chép ngay phần đầu của "Tử Vi Kinh", trong bài phú "Tử Vi cốt tủy" như sau :

"Phú, thọ, quý, vinh, yểu, bần, ai, khổ,
Do ư phúc trạch cát hung.

Thương, tang, hình, khổn, hạnh, lạc, hi, hoan,
Thị tại vận hành hung cát.”

Chìa khóa của khoa Tử Vi là do câu trên. Khi xem số Tử Vi, thông thường tín nam, tín nữ chỉ chú ý đến những cung Mệnh, Tài, Quan cùng vận hạn. Ít người chú ý đến cung Phúc cũng như cung Tật Ách.

Thật ra, cung Phúc rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến ba cung Phu Thê, Tài Bạch, Thiên Di là lẽ đương nhiên. Nó gần như khống chế toàn cuộc đời về : giàu nghèo, thọ yếu, sang hèn, vinh nhục, sầu thảm và khổ cực. Tùy theo cung Phúc tốt hay xấu mà biết đương số giàu hay nghèo, sống thọ hay chết yếu, sang hay hèn, cuộc đời bi ai hay toại chí, đắc thế, ...

Cung Phúc bao gồm nhiều yếu tố cuộc đời. Mà cung Phúc chủ yếu ứng vào ngôi mộ mà đương số được hưởng phúc. Ngoài ra cung Phúc còn chịu ảnh hưởng của âm đức tích được hồi tiền kiếp của đương số, âm đức của phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, ... Và nếu tại đương kiếp tích được nhiều âm đức thì cung Phúc giải được những khắc phá (nếu có) để trở nên tốt hơn.

Như vậy, những người cùng số, có cuộc đời hao hao giống nhau, nhưng tùy theo cung Phúc mà phú, thọ, quý, vinh, yếu, bần, ai, khổ khác nhau.

Như số những người chết cùng một lúc như chiến tranh, thiên tai, đắm thuyền, ... Không lẽ số những người đó đều đến ngày ly thế cả hay sao ?

Hoặc câu hỏi khác. Vận số của một người vốn là trường thọ, sống đến ngoài bảy mươi. Tại sao chỉ mới ngoài hai mươi là đã gặp tai nạn mà chết ?

Thật ra mấy vấn đề trên, trong bài phú “Tử Vi cốt tủy” cũng có đề cập, tạm dịch như sau :

“Vận con phải thua vận cha,
Vận người không bằng vận nhà,
Vận nhà không bằng vận làng,
Vận làng không bằng vận châu,
Vận châu không bằng vận nước,
Vận nước không bằng vận thiên hạ.”

Đó đó, ví như hai đứa trẻ cùng số, nhưng thời ấu thơ sống với phụ mẫu, vận số phải chịu ảnh hưởng bởi vận số của phụ mẫu. Nếu phụ mẫu giàu sang, thì dù số đứa trẻ xấu vẫn được ám no. Còn như phụ mẫu cô bản, thì dù số đứa trẻ tốt vẫn phải chịu cảnh cơ hàn. Đó là “vận con phải thua vận cha”.

Rộng hơn chút nữa, một người ở trong làng, dù số tốt hay xấu cũng phải chịu chung số phận của cả làng. Tỷ như hai người cùng có số giàu. Một người sống trong làng giàu, thì của cải súc tích. Còn người sống trong làng khó, thì chỉ giàu so với người trong làng, nghĩa là kha khá vậy thôi.

Rộng hơn nữa, một châu không có người chết, nhưng vận nước có binh ách, châu cũng chịu chung số phận, ắt có nhiều người chết.

Một ví dụ khác, khi người ta đi cùng thuyền, cũng giống như ở cùng làng, nếu hơn phân nửa người trong thuyền tận số thì thuyền đắm. Số còn lại bị chết oan theo. Trường hợp này gọi là “uổng tử”. Những người chết oan theo dạng này rất tội, hồn oan vất vưởng nơi cõi thế, trở thành “uổng tử quỷ”, không được đi đầu thai ngay mà phải chờ đến khi đúng số mới được nhập âm tào.

Tuy vậy, nếu như đương số có nhiều âm đức, hoặc được phúc tinh chiếu mệnh, quý nhân phò trợ thì không đến nỗi chết oan, bất quá hao tài tán của vậy thôi.

Lời Kết:

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu Trai đã có lời giải đáp cho những vấn đề mà Quý Cháu Trai đang quan tâm. Quý Cháu Trai có thể xem thêm phần đoán vận mệnh qua [Tử Trạ - Bát Tự](#) để biết rõ hơn về vận mệnh mình.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Trai Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net

